

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Bản án số: 1216/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31/10/2018
V/v tranh chấp : “ Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Trần Thị Thu Hiền

2/ Ông Lê Ngọc Thanh

Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Đức Tài

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa:

Bà Đặng Thị Thu Hương – Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 554/2018/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 6 năm 2018 về “ Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 215/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 167/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12/10/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K. – sinh năm 1950

Địa chỉ : Số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Tp.HCM

- Bị đơn: Ông Trịnh Đình P. – sinh năm 1947

Địa chỉ : Số X2, đường Y2, phường Z2, quận Tân Phú, Tp.HCM.

(Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị K. - có mặt, ông Trịnh Đình P. – vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 05 năm 2018, bản tự khai và các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị K. trình bày : Bà và ông Trịnh Đình P. chung sống với nhau từ năm 1971, do chiến tranh nên các giấy tờ bị thất lạc, đến ngày 27/3/2018 bà và ông P. mới đi đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Về mâu thuẫn gia đình : Bà và ông Trịnh Đình P. có nhiều mâu thuẫn xuất phát từ việc ông P. thường xuyên uống rượu, không phụ giúp bà trong việc quán xuyến gia đình và nuôi dạy con cái. Bên cạnh đó, khi uống rượu xong ông P. thường mắng chửi và đánh đập bà. Năm 2006, bà cảm thấy mệt

mỗi khi sống cùng ông P. nên đã bỏ miền Bắc vào Thành phố Hồ Chí Minh để chung sống cùng các con. Bắt đầu từ thời điểm năm 2006, bà đã ly thân cùng ông P. Đến đầu năm 2018, ông P. đã chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh cư ngụ. Do các con khuyên nhủ, bà đã tha thứ và chăm sóc cho ông P. vì thấy ông P. đã già yếu và bệnh tật. Khi ông P. đã mạnh khỏe thì ông tiếp tục uống rượu, mắng chửi và đánh đập bà. Mặc dù đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông P. vẫn không sửa đổi nên bà nhận thấy không thể tiếp tục chung sống cùng ông P. Bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

- Về con chung : Bà và ông Trịnh Đình P. có 03 người con chung là Trịnh Anh T. – sinh năm 1971, Trịnh Anh Đ. – sinh năm 1973 và Trịnh Thị Mỹ L. – sinh năm 1983. Các con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung : bà yêu cầu tự giải quyết

Về nợ chung : bà xác nhận không có

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã tổng đạt đúng theo quy định pháp luật các văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông Trịnh Đình P. vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay: nguyên đơn bà Nguyễn Thị K. vẫn giữ nguyên yêu cầu. Bị đơn ông Trịnh Đình P. vắng mặt không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến tóm tắt như sau :

Về tố tụng : Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 68, Điều 69, khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc Tòa thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ tranh chấp và về thu thập chứng cứ , xác định đúng tư cách đương sự. Việc tham gia hỏi tại phiên tòa của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Vào ngày 22 tháng 5 năm 2018 bà Nguyễn Thị K. nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh chấp nhận cho bà được ly hôn với ông Trịnh Đình P. Vì vậy đây là vụ án hôn nhân gia đình. Tại phiếu xác minh ngày 21/8/2018, công an phường Z2, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận bị đơn ông Trịnh Đình P. đang tạm trú tại địa chỉ Số X2, đường Y2, phường Z2, quận Tân Phú, Tp.HCM. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố

tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: ông Trịnh Đình P. đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn không đến. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Trịnh Đình P.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Theo lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K. thì từ năm 1971 giữa bà K. và ông P. đã bắt đầu hôn nhân thực tế tại miền Bắc - Việt Nam. Do chiến tranh nên các giấy tờ bị thất lạc, đến ngày 27/3/2018 bà K. và ông P. mới đi đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 27/3/2018 của UBND phường C, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp cho các đương sự có cơ sở xác nhận giữa bà K. và ông P. có quan hệ hôn nhân hợp pháp và thuộc phạm vi điều chỉnh của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà K. và ông P. có nhiều mâu thuẫn xuất phát từ việc ông P. thường xuyên uống rượu, không phụ giúp bà K. trong việc quán xuyến gia đình và nuôi dạy con cái. Từ năm 2006 bà đã ly thân cùng ông P. Vì các con chung bà K. đã cố hàn gắn tình cảm với ông P. nhưng tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà K. yêu cầu được ly hôn với ông P. Bên cạnh đó, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật nhưng bị đơn ông Trịnh Đình P. không đến và cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của ông đối với yêu cầu của người khởi kiện. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận thấy bị đơn ông Trịnh Đình P. không còn tha thiết trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung : Bà K. xác nhận giữa bà và ông Trịnh Đình P. có 03 người con chung là Trịnh Anh T. – sinh năm 1971, Trịnh Anh Đ. – sinh năm 1973 và Trịnh Thị Mỹ L. – sinh năm 1983. Các con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường khỏe mạnh nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét.

Về tài sản chung : bà K. yêu cầu tự giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Về nợ chung : bà K. xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Giành quyền khởi kiện về tài sản chung, nợ chung cho ông Trịnh Đình P. trong vụ án khác.

An phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị K. phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử : Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị K. được ly hôn với ông Trịnh Đình P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 27/3/2018 của UBND phường C, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp cho các đương sự không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2/Về con chung: Các con chung tên Trịnh Anh T. – sinh năm 1971, Trịnh Anh Đ. – sinh năm 1973 và Trịnh Thị Mỹ L. – sinh năm 1983 đã trưởng thành, phát triển bình thường khỏe mạnh nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét.

3/ Về tài sản chung : bà K. yêu cầu tự giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Về nợ chung : bà K. xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Giành quyền khởi kiện về tài sản chung, nợ chung cho ông Trịnh Đình P. trong vụ án khác.

4/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Nguyễn Thị K. phải nộp, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà Nguyễn Thị K. đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0011184 ngày 01/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú. Bà Nguyễn Thị K. đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền

Về quyền kháng cáo : Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đường sự;
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Q.Tân Phú;
- Chi cục THADS Q.Tân Phú;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Hiền